

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 271/2020/HNGĐ-ST
Ngày 26-8-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Siêng.

2. Ông Hồ Xuân Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị D (Trương Ngọc D), sinh năm 1991 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số 302B, ấp 2A, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn H, sinh năm 1987 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn ngày 28/02/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị D trình bày:

Chị và anh Lê Văn H bắt đầu chung sống từ năm 2008, do mai mối, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Gò Công Tây theo giấy chứng nhận kết hôn số 119 ngày 27/7/2009. Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng từ

khi có con thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, anh H thường xuyên uống rượu và hành hung chị. Chị đã cố gắng chịu đựng và khuyên giải nhiều lần nhưng anh H vẫn không thay đổi nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Chí V, sinh ngày 14/12/2008, hiện đang sống chung với anh H. Ly hôn, chị D đồng ý để anh H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn H trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Trương Thị D về thời gian chung sống và giữa vợ chồng có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống; từ năm 2011 thì vợ chồng ly thân đến nay. Chị D yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Chí V, sinh ngày 14/12/2008, hiện đang sống chung với anh. Ly hôn, anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn được; đối với con chung hiện sống với anh H nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trương Thị D yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn H và yêu cầu anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Văn H có nơi cư trú tại ấp K, xã L, huyện G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Trương Thị D có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; anh Lê Văn H đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị D, anh H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị D và anh Lê Văn H chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 119 ngày 27/7/2009 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa chị D và anh H xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được. Theo Biên bản xác minh ngày 27/4/2020 của Tòa án đối với chính quyền địa phương thì do anh H thường xuyên uống rượu dẫn đến tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng anh H vẫn vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ anh H không quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Thấy rằng, giữa chị D và anh H không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Trương Thị D và anh Lê Văn H có 01 con chung chưa thành niên tên Lê Chí V.

Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; ...”*.

Trong vụ án này, chị D và anh H thỏa thuận là anh H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Văn; cháu Văn cũng có ý kiến là muốn được sống với cha. Xét thấy, sự thỏa thuận giữa chị D và anh H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Anh H không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về chia tài sản, nợ chung: Chị Trương Thị D và anh Lê Văn H không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Trương Thị D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 và tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị D.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trương Thị D được ly hôn với anh Lê Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Lê Chí V, sinh ngày 14/12/2008 cho anh Lê Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Trương Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trương Thị D có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

2. Về án phí: Chị Trương Thị D phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0016369 ngày 28/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên chị D đã nộp xong án phí.

Anh Lê Văn H không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hoặc niêm yết công khai bản án, chị Trương Thị D và anh Lê Văn H được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Phú

